

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME: TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	CỬ NHÂN QUẢN LÝ CÔNG /BACHELOR OF PUBLIC MANAGEMENT ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	QUẢN LÝ CÔNG/ PUBLIC MANAGEMENT
MÃ NGÀNH/CODE:	7340403
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của chương trình là đào tạo những cử nhân Quản lý công có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý và quản trị; có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng về quản lý công, quản lý các tổ chức công và chính sách công; có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- **Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:** đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:** Cử nhân ngành Quản lý công có lợi thế lớn để trở thành cán bộ, công chức tại các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương; chuyên viên trong các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ trong nước và quốc tế; nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu; giảng viên trong các trường đại

học và cao đẳng; nghiên cứu viên hoặc nhân viên tư vấn trong các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CDR	Mô tả	Mã CDR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Nắm vững kiến thức cơ bản về pháp luật, kinh tế, quản lý và quản trị; có hiểu biết rộng về lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường trong nước và trên thế giới	CDR 1
	Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam và về tư tưởng Hồ Chí Minh	CDR 2
	Có kiến thức chuyên sâu về khu vực công và quản lý công, quản lý các lĩnh vực công	CDR 3
	Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi chính sách công	CDR 4
	Có kiến thức chuyên sâu về tổ chức công và quản lý tổ chức công.	CDR 5
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Có kỹ năng vận dụng lý thuyết và phương pháp khoa học để phân tích các vấn đề chính sách, quản lý và ra quyết định; có kỹ năng phân tích dữ liệu định tính và định lượng; có kỹ năng làm việc với con người, truyền thông, đàm phán, làm việc nhóm	CDR 6
	Có kỹ năng áp dụng kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng	CDR 7
	Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách công, chương trình và dự án công	CDR 8
	Có kỹ năng quản lý tổ chức công theo quá trình: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát	CDR 9
	Kỹ năng quản lý tổ chức công theo lĩnh vực: quản lý nguồn nhân lực công, tài chính công, kế toán công, marketing dịch vụ công, quản lý dịch vụ công, quản lý tài sản công	CDR 10
CDR Tin học	Đạt chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ ICDL) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	CDR 11

CDR	Mô tả	Mã CDR
CDR Ngoại ngữ	Đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQĐ ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	CDR 12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Có năng lực tự phát hiện và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý tổ chức công và quản lý khu vực công; tự chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân, chịu trách nhiệm về kết quả công việc quản lý nhóm/bộ phận/tổ chức mà bản thân họ phụ trách; tự học hỏi để đáp ứng yêu cầu công việc và thích nghi với sự thay đổi, sáng tạo, đổi mới không ngừng	CDR 13

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 125 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	81	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	12	04 học phần chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	41	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	26	

2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	125	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản lý công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	LLNL1105
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	LLNL1106
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	LLNL1105 LLNL1106
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	LLNL1105 LLNL1106 LLNL1107
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		
	1.2. Các học phần của Trường			12		
7	1	Kinh tế Vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
8	2	Kinh tế Vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
9	3	Pháp luật Đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
10	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản lý công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1.3. Các học phần của ngành			12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Economic and Business Statistics	TKKD1129	3	II	
12	2	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	III	
13	3	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	III	
14	4	Hệ thống thông tin quản lý Management Information Systems	TIHT1102	3	II	
	2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			81		
	2.1. Kiến thức cơ sở ngành			12		
15	1	Kinh tế đầu tư Investment Economics	DTKT1154	3	III	
16	2	Kinh tế nguồn nhân lực Human Resource Management	NLKT1117	3	IV	
17	3	Quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường Economic Management and Market Economy	QLKT1112	3	IV	
18	4	Quản trị các nguồn lực thông tin Information Resources Management	TIKT1137	3	IV	
	2.2. Kiến thức ngành			41		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			26		
19	1	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic research Methods	PTCC1128	3	V	TOCB1110
20	2	Luật hành chính Administrative Law	LUCS1114	3	IV	LUCS1129
21	3	Khu vực công và quản lý công Introduction to Public Sector and Public Management	QLXH1103	3	IV	
22	4	Quản lý tổ chức công Public Organization Management	QLXH1122	3	IV	QLKT11101
23	5	Tài chính công Public Finance	NHCO1107	3	V	
24	6	Marketing dịch vụ công Public Service Marketing	MKMA1157	3	V	
25	7	Quản lý dịch vụ công Public Services Management	QLXH1105	3	V	
26	8	Chính sách công Public Policy	QLXH1101	3	VI	
27	9	Đề án môn học - Quản lý công Course Project	QLXH1116	2	VI	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản lý công)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)			15		
28 29 30 31 32	1	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	- Kỳ V: 2 HP - Kỳ VI: 3 HP	KHMI1101 KHMA1101
	2	Kinh tế công cộng Public Economics	PTCC1130	3		KHMI1101
	3	Tâm lý quản lý Psychology in Management	QLKT1126	3		
	4	Xã hội học Sociology	NLXH1106	3		
	5	An sinh xã hội Social Security	BHKT1117	3		
	6	Quan hệ công chúng Public Relations	MKTT1109	3		
	7	Hội nhập kinh tế quốc tế International Economic Integration	TMKQ1107	3		
	8	Kế toán công Accounting for Public Sector	KTKE1103	3		KTKE1101
	9	Quản lý tài sản công Public assets management	NHCO1119	3		
	10	Quản lý thay đổi Managing Change	QLKT1128	3		
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)			18		
33 34 35 36 37 38	1	Lãnh đạo học Leadership	QLXH1119	3	- Kỳ VI: 1 HP - Kỳ VII: 5 HP	
	2	Phân tích chính sách Introduction to Policy Analysis	QLKT1108	3		
	3	Chính sách khoa học và công nghệ Science and Technology Policy	QLCN1104	3		
	4	Quản lý công nghệ Management of Technology	QLCN1105	3		
	5	Quản lý Nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ State Management for Non-Governmental Organizations	QLXH1126	3		
	6	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công Human Resource Management in public sector organisations	NLKT1121	3		NLKT1117
	7	Quản lý chương trình và dự án Program and Project Management	QLKT1110	3		QLKT1101
	8	Quản lý giáo dục Educational Management	QLXH1121	3		
	9	Quản lý y tế Health Management	QLXH1124	3		
	10	Quản lý Nhà nước về đất đai Land Estate Administration	TNDC1142	3		
	11	Quản lý tài nguyên và môi trường Natural Resource and Environmental Management	MTKT1119	3		

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Quản lý công)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
39	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i> <i>Graduation Thesis</i>	QLXH1127	10	VIII	Học xong các HP kiến thức cơ sở ngành và các HP bắt buộc kiến thức ngành
	Tổng số tín chỉ		125		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Thị Hải Hà

PGS.TS Phạm Hồng Chương